

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 173/TB-HĐND

Đức Phổ, ngày 29 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Đề cương giám sát công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo và thực hiện vay vốn hộ nghèo đối với UBND các xã Phổ An và Phổ Thuận từ năm 2021 đến tháng 9/2023

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 80, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Quyết định số: 172/QĐ-HĐND ngày 29/9/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã Đức Phổ về thành lập Đoàn giám sát (kèm theo Kế hoạch giám sát) giám sát công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo và thực hiện vay vốn hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã đối với UBND các xã Phổ An và Phổ Thuận từ năm 2021 đến tháng 9/2023

Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã Đức Phổ thông báo đề cương báo cáo cho đơn vị chịu sự giám sát (**UBND các xã Phổ An, Phổ Thuận**) để xây dựng báo cáo và gửi báo cáo theo đề cương cho Đoàn khảo sát chậm nhất đến ngày 20/10/2023.

Đề nghị UBND các xã Phổ An, Phổ Thuận nghiêm túc thực hiện để đợt giám sát được triển khai theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Ban KT-XH HĐND thị xã (b/c);
- Thành viên Đoàn giám sát;
- UBND các xã Phổ An, Phổ Thuận;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Xuân Văn
TRƯỞNG BAN KT-XH HĐND THỊ XÃ

पुस्तक संख्या १०१
१०१/१०१

१०/१०१





ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện chính sách
vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo từ năm 2021 đến tháng 9/2023
tại UBND xã Phổ An, Phổ Thuận**

(Kèm theo Thông báo số: *H3*/TB-HĐND ngày *29* tháng 9 năm 2023)

I. Căn cứ pháp lý

Các văn bản quy định/hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, thị xã về rà soát hộ nghèo, cận nghèo qua các năm

II. Tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo từ năm 2021 đến tháng 9/2023 trên địa bàn xã

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo của địa phương

2. Đánh giá việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương

- Việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hàng năm tại địa phương;

- Việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo thường xuyên/phát sinh hàng năm tại địa phương;

- Việc thực hiện quy trình rà soát hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo hàng năm tại địa phương.

3. Kết quả thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã

a) *Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm theo chuẩn nghèo quốc gia (Cung cấp số lượng cụ thể hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo của từng thôn và qua các năm - Phụ lục 1 và phụ lục 2)*

- Số lượng hộ nghèo, cận nghèo qua rà soát. Đánh giá tăng/giảm so với năm trước, nguyên nhân.

- Số hộ tái nghèo, tái cận nghèo qua rà soát. Nguyên nhân tái nghèo, cận nghèo

- Số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo qua rà soát. Đánh giá tăng/giảm so với năm trước, nguyên nhân.

- Số hộ có đơn đăng ký rà soát vào hộ nghèo, cận nghèo

- Số hộ có đơn xin thoát nghèo, thoát cận nghèo

b) *Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo phát sinh (thường xuyên trong năm) theo chuẩn nghèo quốc gia (Cung cấp số lượng cụ thể hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo của từng thôn và qua các năm - Phụ lục 1 và phụ lục 2)*

- Số lượng hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm. Đánh giá tăng/giảm so với năm trước. Nguyên nhân phát sinh

- Số lượng hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm

- Số hộ có đơn đăng ký bổ sung vào hộ nghèo, cận nghèo

- Số hộ có đơn đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo

c) *Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo phát sinh qua các năm để phục vụ công tác vay vốn (nếu có):*

- Văn bản quy định/hướng dẫn của cấp thẩm quyền

- Quy trình rà soát

- Kết quả phê duyệt qua các năm

4. Đánh giá chung

- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của UBND xã, Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã

- Đánh giá kết quả thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã;

- Khó khăn, nguyên nhân

III. Thực hiện chính sách vay vốn cho hộ nghèo từ năm 2021 đến tháng 9/2023 trên địa bàn xã

1. Các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác vay vốn hộ nghèo, cận nghèo của các cấp

2. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện của UBND xã

3. Tình hình thực hiện chính sách vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo

- Về nguồn vốn được phân bổ cho hộ nghèo, cận nghèo vay (*số liệu cụ thể từng năm*)

- Số hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn so với tổng số hộ nghèo, cận nghèo được phê duyệt (*theo chuẩn nghèo quốc gia*), tổng số dư nợ, mức vay tối đa của 01 hộ

+ Vốn vay được sử dụng vào các mục đích gì; hiệu quả của việc vay vốn; số hộ thoát nghèo, cận nghèo sau khi vay vốn;

+ Tình hình nợ quá hạn, tỷ lệ % nợ quá hạn/tổng dư nợ, tình hình gia hạn nợ, khoan nợ, không có khả năng trả nợ vv...nguyên nhân và hướng xử lý từng trường hợp cụ thể.

(Báo cáo số liệu theo từng năm, cung cấp danh sách cụ thể - Phụ lục 3)

- Số hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn (*không thuộc diện nghèo, cận nghèo theo chuẩn quốc gia – (Nếu có)*); vốn vay được sử dụng vào các mục đích gì; hiệu quả của việc vay vốn;

(Báo cáo số liệu theo từng năm, cung cấp danh sách cụ thể - Phụ lục 4)

- Công tác xoay vòng và bảo toàn nguồn vốn vay của địa phương. Công tác quản lý, sử dụng, thu hồi nguồn vốn cho vay từ Ngân hàng chính sách tại địa phương.

4. Đánh giá chung

- Đánh giá việc thực hiện chính sách vay vốn ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương;

- Công tác phối hợp của UBND xã với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã trong công tác vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo;

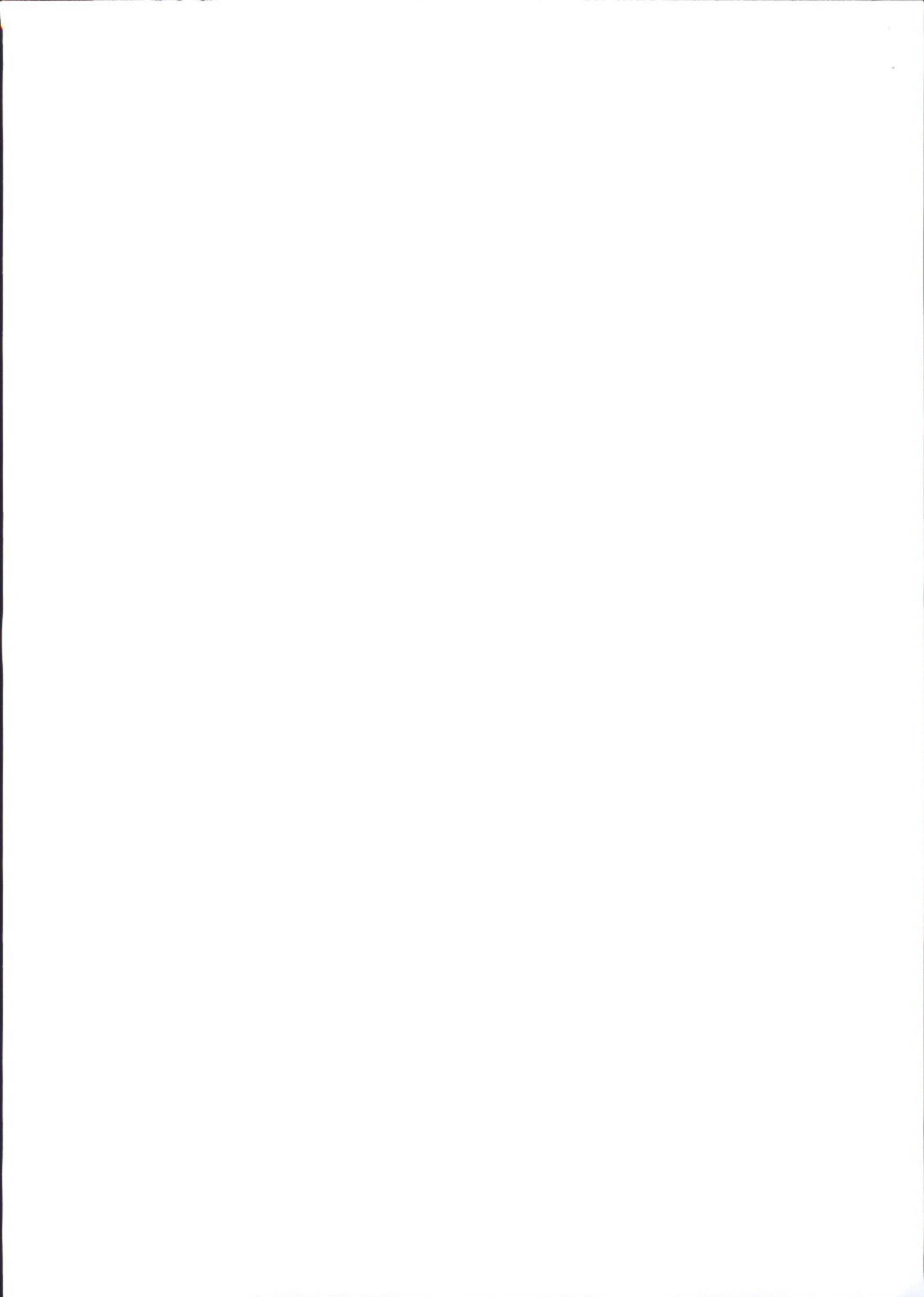
- Đánh giá việc tiếp cận vốn vay, điều kiện để được vay vốn của hộ nghèo, cận nghèo...

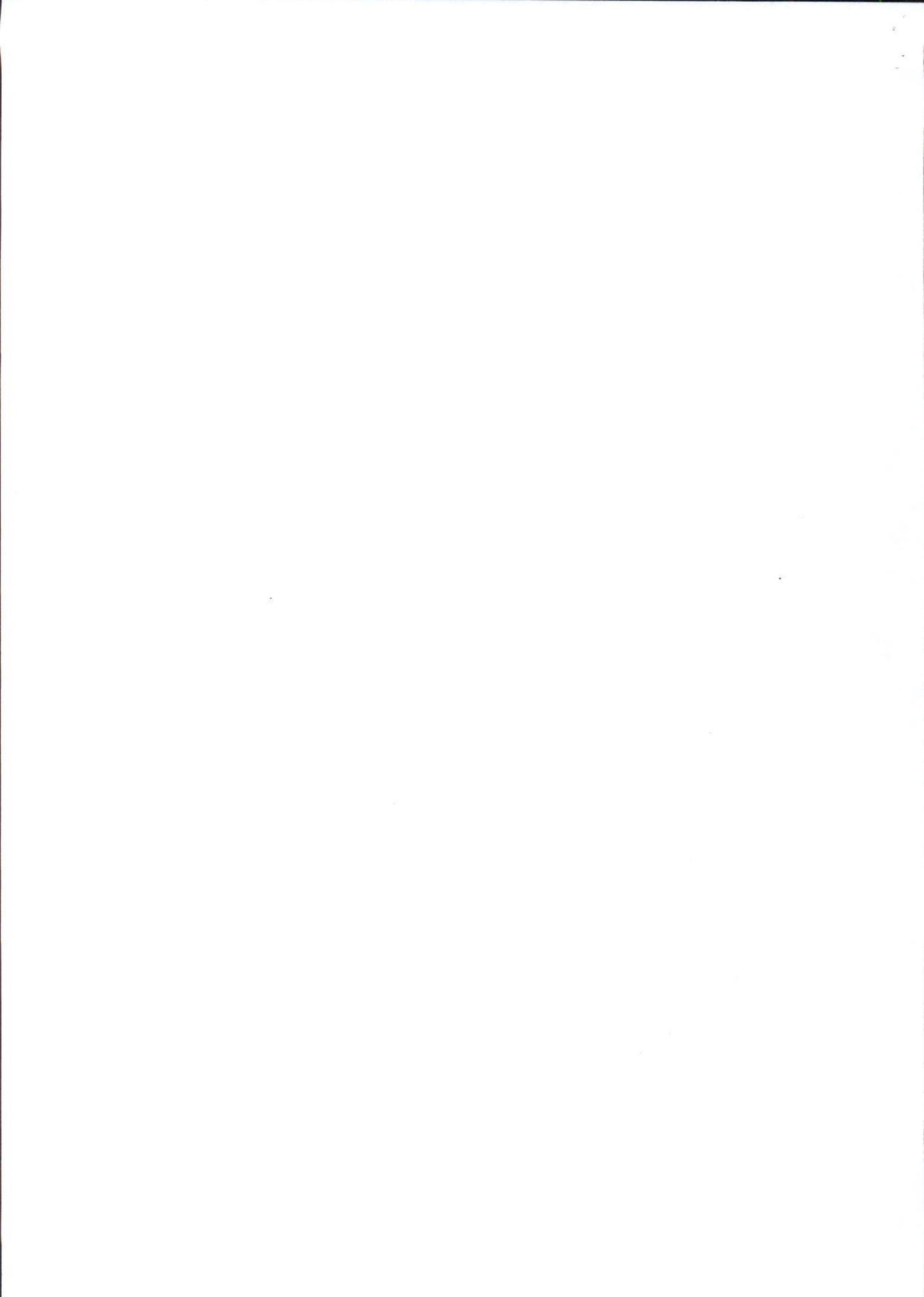
- Về xử lý nợ rủi ro, xử lý nợ xâm tiêu, chiếm dụng (nếu có)

- Khó khăn, nguyên nhân

III. Đề xuất, kiến nghị (Nếu có)

* **Lưu ý:** UBND các xã cung cấp đầy đủ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được phê duyệt (theo chuẩn) và danh sách hộ nghèo, cận nghèo (dùng để vay vốn) qua các năm cho Đoàn giám sát.





PHỤ LỤC 2
TÌNH HÌNH HỘ CẬN NGHÈO CỦA TỪNG THÔN TỪ NĂM 2021-9/2023

STT	Thôn	Số hộ cận nghèo đầu năm			Số hộ thoát cận nghèo trong năm			Số hộ tái cận nghèo trong năm			Số hộ cận nghèo phát sinh trong năm			Số hộ cận nghèo cuối năm					
		2021	2022	2023	2021	2022	9/2023	2021	2022	9/2023	2021	2022	9/2023	Tỷ lệ %	2021	Tỷ lệ %	2022	Tỷ lệ %	9/2023
Tổng số																			

